

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THUYẾT LINH

**VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

Mã số: 9229002

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học



PGS.TS. Đặng Quang Định

Người hướng dẫn khoa học:



1. PGS.TS. Lê Thị Thanh Hà



2. TS. Phạm Anh Hùng

Phản biện 1: PGS. TS. Hà Đức Long

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Minh Hoàn

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phản biện 3: GS. TS. Trần Văn Phòng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học viện họp
tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào hồi 14 giờ 00 ngày 27 tháng 03 năm 2026**

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh thế giới đang đứng trước sức ép cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày càng nghiêm trọng, việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ” sang mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) trở thành xu hướng tất yếu của phát triển bền vững (PTBV).

Việt Nam, với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển hài hòa giữa kinh tế - xã hội - môi trường, đang tích cực tiếp cận mô hình này như một giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và tạo động lực cho đổi mới sáng tạo. Trong tiến trình đó, Nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng - vừa là chủ thể hoạch định thể chế, chính sách và định hướng phát triển, vừa là người điều phối, giám sát và kiến tạo môi trường thuận lợi để các chủ thể kinh tế cùng tham gia.

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, tuần hoàn và phát thải thấp nhằm thực hiện cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Vấn đề nổi bật là yêu cầu hoàn thiện thể chế, đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường phối hợp liên ngành và huy động nguồn lực xã hội. Vì vậy, nhà nước cần phát huy hơn nữa vai trò kiến tạo, điều tiết và dẫn dắt để KTTH trở thành động lực trung tâm của mô hình phát triển bền vững ở Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu, phân tích và làm rõ “*Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay*” là hết sức cần thiết và mang ý nghĩa lý luận cũng như thực tiễn sâu sắc.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Luận án làm rõ một số vấn đề lý luận về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam; phân tích, đánh giá thực trạng và chỉ ra một số vấn đề từ thực trạng vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay; từ đó luận án đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, khái quát giá trị của các công trình khoa học đối với luận án và xác định những nội dung luận án tiếp tục nghiên cứu;

- Luận án làm rõ một số vấn đề lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam;

- Luận án phân tích thực trạng và xác định một số vấn đề đặt ra từ thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

- Đề xuất một số giải pháp cơ bản phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu một số nội dung cơ bản về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH như sau: vai trò của nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với phát triển kinh tế tuần hoàn; vai trò của nhà nước trong thực hiện quy định của hệ thống pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn; vai trò của nhà nước trong đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai phát triển kinh tế tuần hoàn

- *Về không gian nghiên cứu:* vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam.

- *Về thời gian:* Luận án sử dụng các số liệu nghiên cứu giai đoạn thực hiện KTTH từ 2016 (Đại hội XII) đến nay, đưa ra các giải pháp đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án sử dụng cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, về nhà nước, về chức năng giai cấp và chức năng xã hội của nhà nước; về vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, môi trường; vai trò của môi trường đối với sự tồn tại và phát triển của con người, của xã hội.

Luận án sử dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa con người và môi trường; về nhà nước và vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội; các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vấn đề quản lý, điều hành kinh tế, về chủ trương, giải pháp phát triển KTTH ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đồng thời, luận án cũng sử dụng cơ sở lý luận và phương pháp luận của các nhà kinh tế và tư tưởng khác cũng như các lý thuyết về vai trò của nhà nước trong quản lý, điều hành nền kinh tế nói chung, trong phát triển KTTH nói riêng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; phương pháp cụ thể ngành và liên ngành: phân tích - tổng hợp; phương pháp đọc và phân tích tài liệu; phương pháp quan sát, so sánh; phương pháp diễn dịch, quy nạp; khái quát hóa và trừu tượng hóa; lô gic và lịch sử.

Phương pháp logic và lịch sử: Phương pháp logic được sử dụng để phân tích, luận giải mối quan hệ biện chứng giữa vai trò của nhà nước và phát triển KTTH. Đồng thời, sử dụng phương pháp lịch sử để nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của KTTH qua các giai đoạn.

Phương pháp phân tích và tổng hợp: Thực hiện phân tích sâu sắc các tài liệu lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH; các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH. Trên cơ sở đó, tổng hợp các kết quả phân tích để đề xuất những giải pháp phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH.

Phương pháp khái quát hóa và trừu tượng hóa: Được sử dụng để tổng hợp các nghiên cứu liên quan, xây dựng hệ thống các khái niệm công cụ và làm sáng tỏ khái niệm trung tâm

của luận án. Quá trình này cũng giúp trừu tượng hóa các yếu tố tác động tới vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH, làm cơ sở khoa học để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khả thi.

Phương pháp so sánh: So sánh các dữ liệu thu thập qua các năm, giữa các doanh nghiệp khác nhau nhằm chỉ ra thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH, nhận diện rõ thành tựu, hạn chế, vấn đề đặt ra làm cơ sở xác định các yếu tố ảnh hưởng và đưa ra các giải pháp phù hợp.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án luận giải sâu sắc thêm hệ thống các khái niệm cơ bản về vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam, làm cơ sở lý luận triển khai mục tiêu và nhiệm vụ của luận án. Phân tích thực trạng vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam giai đoạn 2016 đến nay với một số kết quả cơ bản đạt được, những hạn chế còn tồn tại, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra. Đồng thời đề xuất một số giải pháp cơ bản, có tính khả thi nhằm phát huy vai trò Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án là sản phẩm khoa học nhằm cung cấp thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay. Đề tài là cơ sở giúp các nhà hoạch định chính sách có thể tham khảo nhằm hoàn thiện các chính sách về KTTH.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án hoàn thành sẽ là tài liệu tham khảo, cung cấp những giải pháp hữu ích để phát huy vai trò của nhà nước nói chung; vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH nói riêng. Thực hiện những giải pháp của luận án sẽ góp phần nâng cao vị thế và năng lực quản trị quốc gia của Việt Nam trong xu hướng phát triển bền vững toàn cầu; đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới phát triển bền vững và thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Luận án cũng có thể là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm nghiên cứu các vấn đề có liên quan.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Luận án tiến hành tổng quan ba nhóm tài liệu trong nước và nước ngoài đã được công bố liên quan tới đề tài luận án:

1.1.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế và kinh tế tuần hoàn

Quá trình khảo cứu cho thấy, các nghiên cứu có liên quan đến vai trò của nhà nước và kinh tế tuần hoàn. Trong đó, khi bàn về vai trò của nhà nước, các tác giả đều khẳng định nhà nước đóng vai trò là chủ thể trong phát triển kinh tế tuần hoàn. Để đường lối, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng thành hiện thực vận động của nền kinh tế tuần hoàn, chúng phải được thể chế hoá thành pháp luật và phải được triển khai bằng nhà nước. Ngoài ra, luận án còn tổng quan các công trình nghiên cứu về kinh tế tuần hoàn. Các công trình trong và ngoài nước khi nghiên cứu về kinh tế tuần hoàn đều đi đến kết luận chung: Đây là mô hình kinh tế hướng tới sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, tái chế chất thải, góp phần bảo vệ môi trường, đem lại hiệu quả kinh tế

1.1.2. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay

Thông qua việc khảo cứu các tài liệu liên quan đều cho thấy: Nhà nước đóng vai trò điều tiết, định hướng, lựa chọn mô hình kinh tế; nhà nước xây dựng và hoàn thiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế; Nhà nước hoàn thiện thể chế tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh giữa các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, nhà nước Việt Nam trong quá trình quản lý còn bộc lộ nhiều yếu điểm. Bên cạnh đó, các công trình khảo cứu về thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam cũng cho thấy một số mô hình KTTH đã được ứng dụng trong sản xuất kinh doanh, cả trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nhiều địa phương trên cả nước. Để phát triển KTTH, Chính phủ Việt Nam đã: thể hóa chủ trương của Đảng, xây dựng những chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn, bao gồm: Luật bảo vệ môi trường 2005, 2015, Luật Khoáng sản 2010, Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật Đất đai 2013 và nhiều văn bản dưới luật. Dự thảo Luật bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020 đã chính thức đề cập đến khái niệm và các quy định về kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam về phát triển KTTH chưa được thống nhất và chưa có Luật riêng phát triển KTTH.

1.1.3. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam

Tổng quan các công trình liên quan tới giải pháp phát huy vai trò của nhà nước, các tác giả nhấn mạnh tới Nhà nước cần tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước; Chú trọng đến công tác quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước; Tiếp tục triển khai và hoàn thiện công tác cải cách hành chính. Các công trình đã khẳng định cần xây dựng một hành lang pháp lý rõ ràng; triển khai nghiên cứu sâu rộng hơn về kinh tế tuần hoàn; triển khai nhân rộng; tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế; có lộ trình, ưu tiên dựa trên nhu cầu thị trường và đòi hỏi của xã hội; tổng kết, đánh giá những mô hình đã hình thành. Ngoài ra cần nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; tạo động lực để các địa

phương, doanh nghiệp, người nông dân đầu tư vào nông nghiệp tuần hoàn; nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp; xây dựng hành lang pháp lý và tiêu chuẩn hóa KTTH trong nông nghiệp.

1.2. GIÁ TRỊ CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Giá trị của những công trình đã được tổng quan

Thứ nhất, nhìn chung các công trình nghiên cứu về vai trò của nhà nước đều cho rằng, nhà nước vừa là chủ thể ban hành hệ thống Hiến pháp và pháp luật để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; Nhà nước xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch và bộ máy thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mình; Nhà nước kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

Thứ hai, các công trình đã chỉ ra thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời phân tích sâu sắc về thời cơ và thách thức của Việt Nam trong phát triển kinh tế tuần hoàn; chỉ ra việc tất yếu phải phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ ba, một số công trình đã có những giải pháp, khuyến nghị có tính khả thi trong phát huy hiệu quả vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội; giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn nói chung, và giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn ở các lĩnh vực và địa phương cụ thể.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra tiếp tục nghiên cứu của luận án

Về mặt lý luận: Luận án sẽ làm rõ lý luận về vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH; mối quan hệ giữa nhà nước với phát triển KTTH; tầm quan trọng của phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay; nội dung cơ bản vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH; một số yếu tố tác động tới vai trò của nhà nước trong phát triển KTTH ở Việt Nam

Về mặt thực trạng: Đề tài luận án đã chỉ ra được thực trạng vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam thời gian qua thông qua khảo sát trên các nội dung: Nhà nước cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng thành luật và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn; nhà nước thực thi các chính sách pháp luật, chiến lược, kế hoạch liên quan tới phát triển KTTH; nhà nước đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi chính sách pháp luật, chiến lược, kế hoạch của nhà nước đối với phát triển KTTH. Luận án chỉ ra những thành tựu, hạn chế; nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và một số vấn đề đặt ra từ thực trạng của nhà nước trong việc thực hiện vai trò của mình đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

Về giải pháp: Luận án đề xuất một số nhóm giải pháp đó là: Nhóm giải pháp về hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH hiện nay; Nhóm giải pháp về tổ chức triển khai, thực thi hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH hiện nay; Phát huy vai trò của Nhà nước trong đầu tư các nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính, nguồn lực khoa học - công nghệ và kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay; Phát huy vai trò của Nhà nước trong hợp tác quốc tế nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn; Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong phát huy vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn

Chương 2

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Kinh tế tuần hoàn và phát triển kinh tế tuần hoàn

2.1.1.1. Kinh tế tuần hoàn

Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế vận hành theo một chu trình khép kín, trong đó các hoạt động sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên, kéo dài tuổi thọ của sản phẩm, giảm thiểu chất thải phát sinh gây ô nhiễm và tác động xấu đến môi trường

* Đặc trưng cơ bản của KTTH

Thứ nhất, KTTH là nền kinh tế được thiết kế và vận hành theo một chu trình khép kín.

Thứ hai, KTTH được áp dụng bao trùm với đa dạng các lĩnh vực, bao trùm các khâu hoạt động trên thị trường, từ thiết kế, sản xuất đến tiêu dùng và dịch vụ.

Thứ ba, KTTH mang lại những lợi ích cơ bản qua việc tận dụng tối đa các nguồn lực, bao gồm: Giảm khai thác, tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu; BVMT, giảm tác động xấu đến môi trường; thúc đẩy phát triển kinh tế.

* Nội dung của KTTH

Nguyên tắc cốt lõi của KTTH là: giảm thiểu rác thải thông qua hạn chế khai thác tài nguyên và giảm lượng chất thải phát sinh; tái sử dụng tài nguyên và kéo dài vòng đời sản phẩm bằng cách sử dụng lại nhiều lần; tái chế rác thải thông qua biến chất thải thành nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất mới; phục hồi môi trường thông qua khai thác năng lượng sạch hoặc giá trị từ các sản phẩm, vật liệu đã qua sử dụng.

* Mục tiêu quan trọng của KTTH

Mục tiêu của KTTH là giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên bằng cách duy trì vòng tuần hoàn khép kín; giảm ô nhiễm môi trường thông qua việc hạn chế rác thải và khí thải; thúc đẩy PTBV gắn với các mục tiêu toàn cầu (SDGs); thích ứng với BĐKH bằng cách giảm phát thải khí nhà kính.

* Ý nghĩa của KTTH đối với kinh tế - xã hội - môi trường

Về kinh tế, KTTH giúp DN tiết kiệm chi phí, mở ra thị trường mới từ sản phẩm tái chế.

Về xã hội, KTTH góp phần tạo việc làm xanh, giải quyết việc làm, nâng cao nhận thức cộng đồng về tiêu dùng bền vững.

Về môi trường, KTTH giúp giảm khai thác tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái, giảm ô nhiễm các thành phần cấu tạo nên môi trường.

2.1.1.2. Phát triển KTTH

Luận án này xác định khái niệm: *phát triển KTTH là tổng thể hoạt động của các chủ thể trong xã hội nhằm mở rộng quy mô, giá trị, hiệu quả kinh tế trên cơ sở sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, hạn chế chất thải phát sinh, tái chế, sử dụng năng lượng sạch và BVMT.*

Trong đó:

* *Chủ thể phát triển KTTH*: Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, DN, nhà khoa học, người tiêu dùng và đặc biệt là người dân.

* *Nội dung phát triển KTTH*: khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải; sử dụng năng lượng sạch, vật liệu tái tạo.

* *Phương thức phát triển KTTH*: Tuyên truyền, vận động nhân dân; Định hướng, khuyến khích, hỗ trợ DN chuyển đổi mô hình phát triển KTTH; Hỗ trợ doanh nghiệp vốn vay ưu đãi cho dự án tuần hoàn; Thay đổi hành vi tiêu dùng của người dân.

2.1.2. Vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn

2.1.2.1. Vai trò của nhà nước

Luận án trình bày các khái niệm liên quan: vai trò, nhà nước vai trò của Nhà nước, biểu hiện vai trò của Nhà nước. Đồng thời chỉ ra được biểu hiện vai trò của nhà nước

2.1.2.2. Vai trò của nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn

Vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH là tổng thể những chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn mà Nhà nước thực hiện nhằm định hướng, điều tiết, hỗ trợ và giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng tái tạo tài nguyên, giảm thiểu chất thải, nâng cao hiệu quả sử dụng vật chất và năng lượng, qua đó thúc đẩy tăng trưởng bền vững và BVMT.

Vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH xuất phát từ: chức năng điều tiết kinh tế; tính tất yếu thực hiện vai trò của nhà nước trong BVMT; từ bản chất nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam

2.2. NỘI DUNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

2.2.1. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Cụ thể các chính sách đó là: Hệ thống các luật và chính sách liên quan đến quản lý chất thải, từ phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải; Hệ thống pháp luật liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm, giảm lãng phí; Hệ thống pháp luật, chính sách về phát triển và sử dụng các loại năng lượng và vật liệu tái tạo; Hệ thống các chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn; Hệ thống pháp luật, chính sách về phát triển và sử dụng các loại năng lượng và vật liệu tái tạo.

2.2.2. Nhà nước tổ chức thực hiện quy định pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Một là, thành lập bộ máy Nhà nước triển khai mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTTH.

Hai là, Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ DN, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH.

Ba là, Nhà nước tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phát triển KTTH và tiêu dùng bền vững.

2.2.3. Nhà nước đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai phát triển kinh tế tuần hoàn

Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc đầu tư tài chính và khoa học - công nghệ để thúc đẩy phát triển KTTH. Đây là một nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo nền tảng vật chất, pháp lý và tri thức cho quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính sang mô hình tuần hoàn, bền vững. Đầu tư tài chính nhằm thay đổi mô hình sản xuất theo hướng tuần hoàn sẽ rất tốn kém

2.3. MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KTTH Ở VIỆT NAM

2.3.1. Bối cảnh thời đại và phát triển kinh tế - xã hội trong nước

2.3.1.1 Bối cảnh thời đại và kinh nghiệm quốc tế

* *Bối cảnh thời đại*

Những thách thức và cơ hội của thời đại vừa tạo thuận lợi vừa gây nên những khó khăn trong việc thực hiện vai trò của nhà nước đối với phát triển KTTH ở nước ta

** Kinh nghiệm quốc tế*

Những năm gần đây, để hạn chế tình trạng lãng phí nguồn nguyên liệu từ mô hình kinh tế tuyến tính, giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường, nhiều nước trên thế giới đã chuyển sang mô hình phát triển KTTH. Những mô hình này thành công đã tác động mạnh mẽ tới phát triển KTTH của Việt Nam. Điển hình như: Hà Lan, Thụy Điển, Trung Quốc, Pháp, Nhật.

2.3.1.2 Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội trong nước

Một là, điều kiện tự nhiên

Việt Nam là quốc gia có điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng, là một trong những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế. Nhưng bên cạnh đó, khí hậu Việt Nam khắc nghiệt, biến đổi khí hậu đang hiện hữu ngày càng rõ nét, thiên nhiên khắc nghiệt cũng là một đòi hỏi cần chuyển đổi mô hình kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững trong tương lai.

Hai là, điều kiện kinh tế - xã hội

Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn công nghiệp hóa, nhu cầu nguyên liệu và năng lượng tăng cao. Điều này dẫn đến lượng chất thải lớn từ sản xuất và tiêu dùng, tạo áp lực buộc phải chuyển sang mô hình tuần hoàn để giảm thiểu ô nhiễm. Tốc độ tăng trưởng GDP khá ổn định, nhưng chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ. Trong khi Việt Nam đã tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA, CPTPP, EVFTA) yêu cầu sản phẩm phải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, thúc đẩy Việt Nam áp dụng kinh tế tuần hoàn để giữ lợi thế cạnh tranh. Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu nhỏ và vừa chiếm hơn 90% nhưng năng lực tài chính, công nghệ còn hạn chế. Doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò trong các ngành trọng yếu (năng lượng, hạ tầng) nhưng hiệu quả chưa cao. Điều này khiến Nhà nước phải đóng vai trò hỗ trợ vốn, công nghệ, và khuyến khích hợp tác công - tư để triển khai mô hình tuần hoàn.

2.3.2. Hệ thống pháp luật, chính sách và thể chế quản lý kinh tế tuần hoàn

Hệ thống pháp luật, chính sách và thể chế quản lý giữ vai trò *xương sống* trong phát triển KTTH, vì chúng tạo hành lang pháp lý, định hướng chiến lược, và cơ chế thực thi để doanh nghiệp, cộng đồng cùng tham gia vào mô hình tăng trưởng xanh và bền vững. Do đó, hệ thống pháp luật cần tạo khung pháp lý rõ ràng. Luật Bảo vệ môi trường 2020 lần đầu tiên đưa khái niệm kinh tế tuần hoàn vào quy định, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Các quy định pháp luật buộc doanh nghiệp phải phân loại rác, tái chế, giảm phát thải, thay vì chỉ khuyến khích tự nguyện. Pháp luật giúp cân bằng giữa lợi ích kinh tế và BVMT, tránh tình trạng doanh nghiệp chạy theo lợi nhuận mà bỏ qua trách nhiệm xã hội.

Vai trò của hệ thống chính sách phải đầy đủ, rõ ràng, bám sát thực trạng phát triển đất nước. Chính sách thuế, tín dụng xanh, hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ tái chế và năng lượng sạch. Chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực tái chế, thiết kế sản phẩm bền vững. Chính sách mở cửa, hội nhập giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ tuần hoàn từ EU, Nhật Bản, Hà Lan.

Thể chế quản lý từ trung ương đến địa phương đảm bảo luật và chính sách được triển khai đồng bộ. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm giám sát việc phân loại rác, tái chế, xử lý chất thải, tránh tình trạng “luật trên giấy”. Kinh tế tuần hoàn liên quan đến nhiều lĩnh vực (năng lượng, công nghiệp, nông nghiệp, đô thị), nên thể chế quản lý phải phối hợp liên ngành để đạt hiệu quả. Thể chế quản lý còn có vai trò truyền thông, giáo dục cộng đồng về tiêu dùng xanh và phân loại rác tại nguồn.

2.3.3 Trình độ phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phát triển KTTH đòi hỏi các giải pháp về hạn chế khai thác tài nguyên, tiết kiệm nguyên liệu, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, năng lượng, thu gom và tái chế rác thải, chất thải của quá trình sản xuất trước là nguồn nguyên liệu cho quá trình sản xuất sau... Theo đó, nó đòi hỏi phát triển công cụ sản xuất hiện đại, các giải pháp kỹ thuật khoa học mới và dùng chung tư liệu sản xuất được thuận lợi. Tất cả những điều này đòi hỏi phải có sự phát triển của khoa học, đổi mới sáng tạo, sử dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Những yêu cầu này đòi hỏi phải phát triển khoa học - công nghệ là phát triển lực lượng sản xuất.

Thành tựu của cuộc CMCN 4.0 và cuộc cách mạng về chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi mô hình kinh tế sang phát triển KTTH. Thành tựu của CMCN 4.0 cho phép các nhà khoa học nghiên cứu ra các công nghệ sản xuất mới thân thiện môi trường, tiêu thụ ít năng lượng ra đời như điện gió, điện mặt trời, thủy điện. Vì vậy, việc phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển KTTH là cần thiết.

Đồng thời, trình độ cơ sở hạ tầng kinh tế sẽ tác động đến sức mạnh vật chất, sức mạnh về tài chính giúp Nhà nước có thể giải quyết tốt hay không các vấn đề văn hóa, chính trị, an ninh, quốc phòng, môi trường... trong phát triển kinh tế tuần hoàn. Hơn nữa, trình độ phát triển kinh tế cũng tác động đến việc xây dựng và hoàn thiện chính phủ điện tử; nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức; đầu tư công; cải cách hành chính; năng lực xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện, xử lý những tiêu cực nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế tuần hoàn của Nhà nước ta.

Bên cạnh đó, tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cùng với thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và cuộc CMCN 4.0 cũng là nhân tố kinh tế trực tiếp ảnh hưởng mạnh mẽ đến vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay.

2.3.4 Nhận thức và năng lực thực thi của các chủ thể

Đó là nhận thức và năng lực của hệ thống chính trị, của doanh nghiệp, người tiêu dùng và toàn xã hội. Trong đó, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn diện tất cả lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó lãnh đạo phát triển kinh tế đóng vai trò trung tâm, mang ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển đất nước.

Nhà nước Việt Nam có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển KTTH. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành hiến pháp, pháp luật và chính sách làm công cụ quản lý mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có kinh tế. Để phát triển KTTH, Nhà nước cần có nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác như nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, CMCN 4.0 để hỗ trợ, giúp đỡ phát triển KTTH như: đổi mới dây chuyền sản xuất; xây dựng chiến lược tuyên truyền; đào tạo nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, công nghệ thích ứng với BDKH; thí điểm mô hình KTTH; xây dựng quy trình tái chế rác thải; đầu tư phát triển năng lượng sạch xanh, năng lượng tái tạo,... Nếu nhà nước có các nguồn lực dồi dào thì việc thúc đẩy phát triển KTTH sẽ có nhiều thuận lợi.

Bộ máy quản lý nhà nước trực tiếp tổ chức triển khai, phát triển kinh tế tuần hoàn là cơ sở quyết định sự thành công hay thất bại trong quá trình triển khai phát triển kinh tế tuần hoàn. Do vậy, việc xây dựng bộ máy tổ chức, triển khai phát triển KTTH có vai trò vô cùng quan trọng.

Bộ máy nhà nước chuyên trách về phát triển KTTH giữ vai trò định hướng, điều phối và tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp và người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm xây dựng khung pháp lý, chiến lược và chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất - tiêu dùng bền vững, đồng thời ban hành các cơ chế ưu đãi về tài chính, thuế và tín dụng xanh cho doanh nghiệp. Ngoài ra, bộ máy chuyên trách còn đảm nhận vai trò giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thực thi, bảo đảm các hoạt động tuân hoàn được triển khai đúng định hướng. Quan trọng hơn, nhà nước là cầu nối trong việc huy động nguồn lực quốc tế, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng, từ đó hình thành hệ sinh thái KTTH đồng bộ, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững quốc gia.

Trong bộ máy nhà nước, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý có ý nghĩa quyết định. Chính họ là người tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật, các kế hoạch, đề án về phát triển KTTH và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật đó. Các tổ chức chính trị - xã hội đồng thuận và phối kết hợp với Đảng, Chính quyền để thực hiện phát triển KTTH. Theo đó, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức (Đoàn thanh niên vận động giới trẻ phân loại rác, Hội Phụ nữ tuyên truyền không dùng túi ni-lông...); Phản biện, tham gia xây dựng chính sách (Mặt trận Tổ quốc phản biện dự thảo luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên...); Doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt trong việc thiết kế, sản xuất và quản lý chuỗi cung ứng theo hướng tuần hoàn, trong khi người tiêu dùng là lực lượng thúc đẩy bằng hành vi tiêu dùng bền vững, lựa chọn sản phẩm xanh và tham gia tái chế. Vì vậy, doanh nghiệp cần thay đổi tư duy từ “sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ” sang “thiết kế - sử dụng - tái chế”, đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và tận dụng nguyên liệu tái chế. Ví dụ, thiết kế sản phẩm dễ tháo rời, dễ sửa chữa và tái chế. Theo đó các doanh nghiệp KTTH đòi hỏi phải có nguồn lực tài chính và nguồn lực con người - nhà khoa học có trình độ, có tư duy đổi mới, sáng tạo. Tuy nhiên, doanh nghiệp ở Việt Nam chủ yếu là nhỏ và vừa. Đây là những khó khăn trong triển khai phát triển KTTH nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước từ tài chính đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

Việc phát triển KTTH còn phụ thuộc vào yếu tố người tiêu dùng. Hành vi tiêu dùng được xác định là một trong những động lực mạnh mẽ thúc đẩy

Chương 3

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1.1. Một số thành tựu đạt được

3.1.1.1. Thành tựu Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến phát triển KTTH

Thứ nhất, trong Nhóm pháp luật, chính sách liên quan đến quản lý chất thải (phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải), Luận án đã thống kê và chỉ ra các điểm mới trong các văn bản luật pháp luật. Văn bản cao nhất của Nhà nước về quản lý chất thải đó là Luật Bảo vệ môi trường 2020. Đây là văn bản nền tảng, quy định toàn diện về quản lý chất thải, từ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý đến trách nhiệm của tổ chức, cá nhân Cụ thể hóa Luật, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các nghị định: Nghị định

08/2022/NĐ-CP: Quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT 2020, trong đó có quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại; Nghị định 45/2022/NĐ-CP (ban hành ngày 07/7/2022, có hiệu lực từ 25/8/2022) là văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thay thế Nghị định 155/2016/NĐ-CP và Nghị định 55/2021/NĐ-CP; Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định chi tiết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, áp dụng cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải, phát triển thị trường các-bon, và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn. Nghị định không trực tiếp nói về KTTH, nhưng các nội dung của Nghị định hướng tới mục tiêu của phát triển KTTH.

Cụ thể hóa Nghị định, các bộ đã ban hành các thông tư gồm: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Quy định chi tiết về quản lý chất thải nguy hại, đăng ký chủ nguồn thải, cấp phép xử lý chất thải nguy hại; Thông tư 01/2021/TT-BXD: Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng; Thông tư 10/2021/TT-BTNMT: Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Ngoài ra, NCS còn chỉ ra trong Nhóm chính sách liên quan đến quản lý chất thải, các văn bản pháp lý khác: Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 33/CT-TTg về *tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa*. Mục tiêu chính của Chỉ thị là: “Giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa, đặc biệt là nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; Tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội trong việc quản lý chất thải nhựa” [105]; *Kế hoạch hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030* (Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020). Kế hoạch đặt mục tiêu thúc đẩy mô hình sản xuất sạch hơn, tiêu dùng bền vững, giảm thiểu chất thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và hướng tới KTTH.

Thứ hai, Nhóm pháp luật, chính sách liên quan đến khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên

- *Nhóm pháp luật*

Luật Bảo vệ môi trường 2020, tại Điều 4 Luật BVMT 2020 quy định: BVMT là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân. Vì vậy, mọi hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên phải gắn với trách nhiệm BVMT; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Do đó, không khai thác tràn lan, phải tính toán hiệu quả, tránh lãng phí và suy thoái tài nguyên; bảo tồn đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, vì vậy khai thác tài nguyên phải đi đôi với bảo vệ hệ sinh thái, loài nguy cấp, quý hiếm. Khai thác tài nguyên phải đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế, an sinh xã hội và BVMT. Các nguyên tắc này là nền tảng để xây dựng chính sách cụ thể về đất đai, nước, khoáng sản, rừng, năng lượng. Đồng thời, khuyến khích tái chế, tái sử dụng, giảm phát sinh chất thải, gắn khai thác tài nguyên với vòng đời sản phẩm, thúc đẩy KTTH.

Luật Khoáng sản 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định toàn diện về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; đồng thời yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác phải ký nộp quỹ cải tạo, phục hồi môi trường để bảo đảm PTBV. Nguyên tắc quản lý khoáng sản là: khoáng sản thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Khai thác phải hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với BVMT và PTBV. Ưu tiên sử dụng khoáng sản trong nước cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hạn chế xuất khẩu thô. Ý nghĩa của Luật là, ngăn ngừa khai thác tràn lan, lãng phí tài nguyên. Đảm bảo phục hồi môi trường sau khai thác, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và cộng đồng. Tăng tính minh bạch trong cấp phép và quản lý khai thác thông qua cơ chế đấu giá. Thúc đẩy chế biến sâu và KTTH,

nâng cao giá trị tài nguyên khoáng sản.

Luật Tài nguyên nước 2012 đã được sửa đổi, bổ sung toàn diện bằng Luật số 28/2023/QH15 (Luật Tài nguyên nước 2023), có hiệu lực từ ngày 01/7/2024. Luật mới gồm 10 chương, 86 điều, tập trung vào quản lý tổng hợp, bảo vệ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên nước. Những điểm mới quan trọng của Luật này là quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông; quy định rõ trách nhiệm bảo vệ nước mặt, nước dưới đất, nước ven biển; kiểm soát ô nhiễm và suy thoái nguồn nước; khai thác và sử dụng nước phải được cấp phép, minh bạch, ưu tiên cho nhu cầu thiết yếu (sinh hoạt, phòng chống thiên tai), khuyến khích tiết kiệm và tái sử dụng nước. Luật đã bổ sung quy định về ứng phó BĐKH, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn. Luật quy định thu tiền cấp quyền khai thác, phí dịch vụ, và cơ chế tái đầu tư cho bảo vệ nguồn nước. Đặc biệt, Việt Nam là quốc gia có nguồn nước chủ yếu từ người ngoài, nên Luật này đã tăng cường phối hợp quản lý nguồn nước xuyên biên giới và các lưu vực sông quốc tế.

Ngoài ra còn một số luật liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm là: Luật Lâm nghiệp 2017, quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, khai thác gỗ và lâm sản bền vững; Luật Đất đai 2013 (sửa đổi 2024) quy định sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí; Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2010, quy định khuyến khích áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng...

- Nhóm chiến lược, chương trình, kế hoạch

Chiến lược bảo vệ môi trường đến 2020, tầm nhìn 2030. Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược là “Bảo vệ môi trường là yêu cầu sống còn của nhân loại, là một phần không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Phát triển hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh, ít chất thải và các-bon thấp; Ưu tiên phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác tài nguyên hiệu quả, bảo tồn đa dạng sinh học; Trách nhiệm toàn xã hội, từ Nhà nước, doanh nghiệp đến người dân; kết hợp với hợp tác quốc tế; Áp dụng cơ chế thị trường và chế tài pháp lý để nâng cao hiệu quả quản lý môi trường”.

Chiến lược tài nguyên biển đến 2030, tầm nhìn 2050 (Nghị quyết số 48/NQ-CP của Chính phủ, ngày 3/4/2023). Chiến lược nhấn mạnh khai thác hiệu quả, sử dụng bền vững, công bằng tài nguyên biển gắn lợi ích kinh tế-xã hội và BVMT, quốc phòng - an ninh dựa trên giá trị của hơn 3.260 km bờ biển Việt Nam. Đồng thời Luật tích hợp quản lý tài nguyên biển theo vùng bờ, đảo, quần đảo và vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam.

Chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Quan điểm của Chiến lược là: “Phát triển vận tải theo hướng hiện đại, chất lượng ngày càng được nâng cao với chi phí hợp lý, an toàn, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, đặc biệt là vận tải đa phương thức và logistics”. Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn năm 2050. Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016) đặt mục tiêu thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và nâng cao chất lượng cuộc sống. Chương trình được ban hành với mục tiêu “thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững trên nền tảng đổi mới, sáng tạo, thực hành và phát triển các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, đẩy mạnh sản xuất và tiêu dùng nội địa bền vững, tạo việc làm ổn định và việc làm xanh, thúc đẩy lối sống bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, hướng đến phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam”.

Ngày 01-10-2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Mục tiêu của Chiến lược là “góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu”. Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là xanh hóa các ngành kinh tế: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình KTTH thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số

(3) *Nhóm hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến phát triển năng lượng, vật liệu tái tạo*

Nghị quyết số 70-NQ/TW (Nghị quyết 70) về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Trong đó, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm phát thải khí nhà kính là một trong những nội dung trọng tâm của Nghị quyết và là trụ cột quan trọng trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, xây dựng ngành năng lượng Việt Nam phát triển bền vững.

Luật Điện lực 2004 (sửa đổi 2018, 2024) là khung pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động điện lực ở Việt Nam, với mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển thị trường điện cạnh tranh và thúc đẩy năng lượng tái tạo. Luật gắn với Quy hoạch điện VIII, ưu tiên năng lượng tái tạo và năng lượng mới (hydrogen, lưu trữ điện). Đây là nền tảng để giảm phát thải, phù hợp với nguyên tắc tuần hoàn. Luật cũng quy định rõ thủ tục, trách nhiệm, ưu tiên dự án sạch, hiệu quả là những nội dung ưu tiên để phát triển KTTH. Luật cũng khuyến khích đầu tư, hỗ trợ chính sách tín dụng, thuế để phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng mới.

Ngày 03/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện Lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới. Chiến lược khẳng định: cần ưu tiên sử dụng năng lượng sinh khối cho sản xuất điện, khí sinh học, sinh khối viên sử dụng trực tiếp làm nhiên liệu và nhiên liệu sinh học lỏng. Phát triển điện mặt trời, điện gió cung cấp điện cho khu vực vùng sâu, vùng xa chưa thể cấp điện.

Tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về *định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* đã khẳng định: “Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn...”

(4) *Nhóm chính sách, pháp luật đề cập trực tiếp đến phát triển kinh tế tuần hoàn*

Quyết định số 687/QĐ-TTg *Phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.*

Quan điểm của đề án: “Chủ động phát triển kinh tế tuần hoàn là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh”. Mục tiêu tổng quát của Đề án: “Phát triển KTTH nhằm tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, tính gắn kết tuần hoàn giữa các doanh nghiệp và ngành kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của doanh

nghiệp và chuỗi cung ứng trước các cú sốc từ bên ngoài, nhằm góp phần đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu”. Phấn đấu đến năm 2025, “các dự án KTTH bước đầu đi vào thực hiện và phát huy hiệu quả kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường; đóng góp vào phục hồi các tài nguyên tái tạo được, giảm tiêu hao năng lượng, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, tỷ lệ che phủ rừng, tăng cường tỷ lệ tái chế rác thải, tăng cường tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và công nghiệp xuất khẩu”. Đến năm 2030, “các dự án KTTH trở thành một động lực chủ yếu trong giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp, có năng lực tự chủ phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo”.

Như vậy, có thể nói toàn bộ nội dung của phát triển KTTH, với đầy đủ các biểu hiện từ giảm tiêu thụ tài nguyên tới giảm phát thải, xử lý chất thải, thiết kế quy trình sản xuất, sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, có khả năng tái chế, tái tạo đã được Nhà nước Việt Nam quan tâm và cụ thể bằng hệ thống chính sách, pháp luật.

3.1.1.2 Thành tựu trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Một là, Nhà nước thành lập bộ máy để triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế tuần hoàn

Nhà nước Việt Nam đã thành lập bộ máy và ban hành *Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035* (Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/1/2025) do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm xây dựng hệ thống sản xuất - tiêu dùng bền vững và thúc đẩy mô hình KTTH. Quyết định 687/QĐ-TTg năm 2022 về *Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam*. Để tổ chức thực hiện Đề án, Thủ tướng đã thành lập bộ máy và giao việc cụ thể cho các bộ nhiệm vụ chủ yếu như sau: Bộ Tài nguyên và Môi trường là đầu mối về quản lý chất thải, tái chế, bảo vệ môi trường. Bộ Công Thương trực tiếp triển khai mô hình sản xuất sạch hơn, thúc đẩy đổi mới công nghệ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm lồng ghép KTTH vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tích cực áp dụng mô hình tuần hoàn trong nông nghiệp (ví dụ: tái sử dụng phụ phẩm, năng lượng sinh khối). Với các địa phương, UBND các tỉnh/thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể, gắn với đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương. Doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề được xác định là lực lượng trực tiếp triển khai, thông qua các mô hình tái chế, sản xuất tuần hoàn, đổi mới sáng tạo. Các tổ chức quốc tế (UNDP, WB, EU), hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, và chia sẻ kinh nghiệm.

Hai là, Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH

Thông qua các văn bản quy định đã ban hành, Nhà nước đã có những hành động cụ thể khuyến khích các chủ thể tham gia mô hình phát triển KTTH cụ thể:

Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp trong tái chế, xử lý chất thải, thúc đẩy sản xuất sạch hơn. Điều 54 - Trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu một số sản phẩm, bao bì (nhựa, kim loại, điện tử, xe cộ...) phải có trách nhiệm tái chế theo tỷ lệ, quy chuẩn do Nhà nước quy định. Hoặc có thể tự tổ chức tái chế hoặc đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để thực hiện. Điều 55 - Trách nhiệm xử lý chất thải. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu sản phẩm có nguy cơ gây ô nhiễm (ví dụ: thuốc bảo vệ thực vật, pin, ắc quy, dầu nhớt...) phải tổ chức thu hồi và xử lý sau sử dụng. Đây là cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR).

Điều 142 - Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Nhà nước hỗ trợ thông tin, đào tạo, tín dụng ưu đãi để thúc đẩy sản xuất sạch hơn.

Trên cơ sở Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH, những năm qua, mô hình KTTH đã có bước phát triển rõ nét ở Việt Nam với những dẫn chứng tiêu biểu:

Nhiều doanh nghiệp lớn tiên phong như Nestlé, Unilever, Vinamilk, Sabeco đã áp dụng mô hình tuần hoàn trong tái chế bao bì, giảm nhựa, tận dụng phụ phẩm sản xuất. Các khu công nghiệp sinh thái (ví dụ: Ninh Bình, Cần Thơ) thử nghiệm mô hình tuần hoàn, chia sẻ năng lượng và nguyên liệu. Mô hình “vòng tuần hoàn xanh” trong các trang trại nuôi bò sữa được Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) và Tập đoàn TH True Milk áp dụng để phát triển trang trại bò sữa theo hướng thân thiện với môi trường; Dự án hỗ trợ nông nghiệp các-bon thấp (LCASP) được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) diễn ra từ tháng 6/2013 - 6/2019 tại 10 tỉnh (cũ), gồm: Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng; Trong nông nghiệp, mô hình VAC (Vườn - Ao - Chuồng) được nâng cấp thành mô hình tuần hoàn hiện đại trên cơ sở tận dụng phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ, khí sinh học. Mô hình này phổ biến ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long; Mô hình trồng trọt kết hợp nuôi trùn quế hiện đã được triển khai ở nhiều địa phương tại Việt Nam, tiêu biểu là Bến Tre (xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam)

Ba là, Nhà nước tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về phát triển kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững

Nhà nước giữ vai trò then chốt trong việc tuyên truyền và nâng cao nhận thức của người dân về KTTH. Thông qua hệ thống pháp luật, chính sách và các chương trình truyền thông, Nhà nước không chỉ định hướng mà còn tạo động lực để cộng đồng thay đổi hành vi tiêu dùng và sản xuất theo hướng bền vững. Các văn bản như Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg năm 2022 và Quyết định 222/QĐ-TTg năm 2025 đều nhấn mạnh nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền rộng rãi, giúp người dân hiểu rõ lợi ích của việc phân loại rác tại nguồn, tái chế chất thải và sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường. Bằng việc huy động các phương tiện truyền thông, trường học, tổ chức xã hội và doanh nghiệp cùng tham gia, Nhà nước đã và đang tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ, từng bước hình thành thói quen tiêu dùng bền vững và thúc đẩy cộng đồng chung tay xây dựng nền KTTH.

3.1.1.3 Thành tựu Nhà nước đầu tư tài chính, khoa học - công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện kinh tế tuần hoàn

- Đầu tư tài chính

Thông qua Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg (2022); Quyết định 222/QĐ-TTg (2025) và các văn bản này đều quy định rõ việc Nhà nước dành nguồn vốn ngân sách cho các chương trình, dự án tuần hoàn. Chẳng hạn, trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, Điều 149 quy định nguồn lực tài chính cho BVMT là, Nhà nước quy định ngân sách dành cho BVMT, bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Nhà nước thành lập và vận hành Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tài chính cho các dự án bảo vệ môi trường, tái chế, xử lý chất thải, thúc đẩy phát triển KTTH. Các doanh nghiệp khởi nghiệp và chuyển đổi sang mô hình KTTH có thể vay vốn ưu đãi từ quỹ để đầu tư công nghệ tuần hoàn, sản xuất sạch hơn. Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực tái chế, xử lý chất thải, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường được hưởng ưu đãi về thuế, đất đai, tín

dụng. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội và quốc tế cho các dự án kinh tế tuần hoàn. Nguồn lực này tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như xử lý chất thải, phát triển năng lượng tái tạo, sản xuất sạch hơn, và xây dựng hạ tầng tái chế.

Ngoài ngân sách nhà nước, Chính phủ còn triển khai các quỹ môi trường, quỹ tín dụng xanh để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư công nghệ tuần hoàn, khuyến khích khởi nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo. Các dự án hợp tác quốc tế với EU, UNDP, WB cũng mang lại nguồn tài chính đáng kể, giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ hiện đại và nâng cao năng lực quản lý. Bên cạnh đó, nhiều ngân hàng thương mại như BIDV, Vietcombank, Agribank đã xây dựng sản phẩm tín dụng xanh riêng, gắn với chiến lược phát triển bền vững. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành bộ tiêu chí phân loại tín dụng xanh, khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng cho vay các dự án tuần hoàn.

- Phát triển khoa học - công nghệ

Thời gian gần đây, Nhà nước Việt Nam đã và đang đầu tư mạnh vào khoa học - công nghệ để thúc đẩy KTTH, thông qua các chương trình quốc gia, quỹ nghiên cứu, và hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) xác định KH&CN và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược, trong đó KTTH là một hướng ưu tiên. Trong chương trình hành động KTTH đến 2035, Bộ TN&MT và Bộ KH&CN phối hợp triển khai các dự án nghiên cứu công nghệ tuần hoàn, tái chế nhựa, xử lý rác thải, tiết kiệm năng lượng. Hàng năm Quỹ KH&CN quốc gia (NAFOSTED) tài trợ hàng trăm đề tài nghiên cứu liên quan đến sản xuất sạch hơn, tái chế và năng lượng tái tạo. Liên kết ba nhà (Nhà nước - Doanh nghiệp - Trí thức) đã được thành lập để kết nối nghiên cứu KH&CN với ứng dụng thực tiễn, trong đó KTTH là một trọng tâm.

- Kiểm tra, giám sát

Hoạt động kiểm tra, giám sát được lồng ghép trong các văn bản luật và nghị định. Đây là khung pháp lý quan trọng thúc đẩy hoạt động phát triển KTTH. Chẳng hạn Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định trách nhiệm của Bộ TN&MT, UBND các cấp trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động tái chế, xử lý chất thải, sản xuất sạch hơn. Điều 142-143: yêu cầu báo cáo, đánh giá định kỳ về kết quả thực hiện KTTH.

Nghị định 08/2022/NĐ-CP (hướng dẫn Luật BVMT) quy định chi tiết về cơ chế giám sát, đánh giá các mô hình KTTH. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo định kỳ về hoạt động tái chế, tái sử dụng nguyên liệu. Bộ TN&MT có trách nhiệm kiểm tra, công bố kết quả thực hiện. Quyết định số 331-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Ban Bí thư Ban hành Quy trình mẫu thực hiện kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy. Đây là khung chung để giám sát việc triển khai các chủ trương lớn, trong đó có KTTH.

Quyết định 687/QĐ-TTg (2022): Phê duyệt Đề án phát triển KTTH ở Việt Nam, giao Bộ KH&ĐT phối hợp với các bộ ngành xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá thí điểm. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (2021-2030): Đặt mục tiêu lồng ghép KTTH vào các ngành, có cơ chế đánh giá tiến độ thực hiện. Báo cáo 203/BC-BTP năm 2024 của Bộ Tư pháp tổng hợp công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Đây là cơ sở để đánh giá tính thống nhất, đầy đủ của các quy định liên quan đến KTTH. Quyết định 09/2008/QĐ-BCT về Quy chế kiểm tra, giám sát của Bộ Công Thương được ban hành từ khá lâu, nhưng vẫn là nền tảng để giám sát hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất, bao gồm cả áp dụng mô hình tuần hoàn.

3.1.2. Nguyên nhân của thành tựu

Một là, khung pháp lý và chính sách về phát triển KTTH khá rõ ràng, kịp thời và khá đồng bộ. Có thể nói một trong những nguyên nhân thành công bước đầu của KTTH ở Việt

Nam chính là việc Nhà nước đã xây dựng được khung pháp lý và chính sách khá rõ ràng, kịp thời và đồng bộ. Điều này được thể hiện thông qua Luật Môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã hướng dẫn chi tiết Luật BVMT 2020, Quyết định 687/QĐ-TTg (2022) phê duyệt Đề án phát triển KTTH

Hai là, Nhà nước Việt Nam tích cực thực hiện cam kết quốc tế và áp lực hội nhập

Việt Nam đã đưa ra nhiều cam kết quốc tế liên quan đến phát triển KTTH, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu. Tại COP26 (2021), Việt Nam tuyên bố mục tiêu Net Zero vào năm 2050, trong đó KTTH là một giải pháp trọng tâm để giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Tại COP29 (2024-2025), Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh vai trò KTTH trong xây dựng thị trường carbon, tín chỉ carbon và chiến lược thích ứng, buộc phải chuyển đổi mô hình sản xuất - tiêu dùng theo hướng tuần hoàn.

Ba là, doanh nghiệp Việt Nam đang tham gia ngày càng tích cực vào phát triển KTTH, với nhiều mô hình tái chế, tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn.

Tính đến năm 2024, Việt Nam đã xây dựng được 1.283 mô hình sử dụng năng lượng hiệu quả và sản xuất sạch (RECP). Trong đó có 783 mô hình đã được áp dụng bởi 125 doanh nghiệp trong nước và thu được kết quả ban đầu tích cực

Bốn là, tích cực ứng dụng KH&CN là động lực then chốt giúp KTTH ở Việt Nam đạt được thành công bước đầu, từ tái chế, năng lượng tái tạo đến công nghệ số. Công nghệ tái chế nhựa, xử lý rác thải, năng lượng tái tạo được nghiên cứu và áp dụng rộng rãi. Doanh nghiệp như Unilever, Nestlé, SCG đã đầu tư dây chuyền tái chế bao bì, nhựa PET, lon nhôm. Hà Nội, TP.HCM, Bình Dương triển khai công nghệ đốt rác phát điện, sản xuất phân compost từ rác hữu cơ. Ứng dụng vi sinh để xử lý nước thải, sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp. Ninh Thuận, Bình Thuận, Tây Nguyên phát triển mạnh, góp phần giảm phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch. Công nghệ tiết kiệm năng lượng phát triển với hơn 1.283 mô hình sản xuất sạch hơn và sử dụng năng lượng hiệu quả (RECP) đã được áp dụng, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và giảm phát thải. Ninh Bình, Cần Thơ, Đà Nẵng đã đi đầu trong thí điểm mô hình khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp chia sẻ phụ phẩm, tái sử dụng nguyên liệu trong chu trình sản xuất.

Năm là, vai trò của truyền thông và nhận thức của cộng đồng về KTTH

Nhà nước triển khai các chiến dịch truyền thông (phân loại rác tại nguồn, hạn chế túi nylon, tái chế bao bì) đã góp phần tạo thói quen mới cho người dân trong phân loại rác tại nguồn, hạn chế túi nylon, tái chế bao bì. Truyền thông giúp doanh nghiệp quảng bá sản phẩm xanh, khuyến khích người tiêu dùng lựa chọn hàng hóa thân thiện môi trường. Khi truyền thông nhấn mạnh vấn đề ô nhiễm, cộng đồng sẽ gây sức ép buộc doanh nghiệp và chính quyền phải hành động theo hướng tuần hoàn.

3.1.3. Một số hạn chế

Một là, hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế tuần hoàn

Khái niệm “kinh tế tuần hoàn” mới chỉ được đưa vào Luật Bảo vệ Môi trường 2020, nhưng chưa có luật chuyên ngành riêng. Thiếu các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm tuần hoàn, quy trình tái chế, tái sử dụng.

Hai là, hạn chế trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn

Trong tổ chức, thực hiện: thiếu cơ chế khuyến khích và hỗ trợ. Chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng xanh, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp tuần hoàn còn hạn chế và chưa rõ ràng.

Chưa có cơ chế tài chính bền vững để hỗ trợ các dự án thử nghiệm, chuyển đổi mô hình sản xuất. Thiếu hướng dẫn thực thi cụ thể. Nhiều địa phương và doanh nghiệp còn lúng túng trong việc áp dụng mô hình tuần hoàn do thiếu hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chí đánh giá. Cơ chế thử nghiệm (sandbox) chưa được triển khai rộng rãi, dẫn đến khó khăn trong đổi mới sáng tạo. Thiếu sự phối hợp liên ngành: Việc triển khai còn phân tán giữa các bộ ngành như Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương... mà chưa có cơ chế điều phối thống nhất

Ba là, hạn chế về ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực kiểm tra, giám sát tiêu chuẩn, mục tiêu phát triển KTTH.

Công nghệ sản xuất ở Việt Nam còn lạc hậu, thiếu đồng bộ. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), vẫn sử dụng công nghệ sản xuất truyền thống, tiêu tốn năng lượng và nguyên liệu. Công nghệ tái chế rác thải, nhựa, kim loại chưa đạt chuẩn quốc tế, dẫn đến chất lượng sản phẩm tái chế thấp, khó cạnh tranh. Kết quả phân thực trạng cũng đã cho thấy, đầu tư cho KH&CN trong KTTH mới chiếm khoảng 15-20% tổng chi KH&CN quốc gia, chưa tương xứng với nhu cầu

3.1.4. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế mới ở Việt Nam nên nhận thức của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân chưa cao.

KTTH là một khái niệm mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam, chỉ mới được chính thức đưa vào Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Việc hiểu và vận dụng khái niệm này còn hạn chế ở nhiều cấp quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng; Nhận thức và năng lực thực thi còn yếu. Nhiều địa phương, doanh nghiệp chưa hiểu rõ lợi ích dài hạn của kinh tế tuần hoàn. Thiếu đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý được đào tạo bài bản về mô hình này. Chưa có Luật KTTH riêng biệt để điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan.

Thứ hai, kinh tế tuần hoàn đòi hỏi thay đổi tư duy và nguồn lực nhưng Việt Nam chưa chuyển đổi và đáp ứng kịp thời.

Tư duy về phát triển KTTH chưa chuyển đổi mạnh mẽ. Doanh nghiệp vẫn quen với mô hình tuyến tính: khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ. Việc đầu tư vào thiết kế sản phẩm dễ tái chế, kéo dài vòng đời hay thu hồi sau sử dụng còn rất hạn chế. Người tiêu dùng chưa có thói quen lựa chọn sản phẩm xanh, tái chế, hoặc phân loại rác tại nguồn. Cơ quan quản lý còn xem kinh tế tuần hoàn là nhiệm vụ của ngành môi trường, chưa tích hợp vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, bộ máy quản lý liên quan đến các nội dung phát triển kinh tế tuần hoàn còn bị phân tán.

Phát triển KTTH do nhiều cơ quan quản lý, nhiều bộ ngành cùng tham gia (Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính...) nhưng chưa có cơ quan đầu mối điều phối xuyên suốt. Chính sách giữa các lĩnh vực như môi trường, công nghiệp, nông nghiệp, tài chính... chưa được tích hợp theo tư duy tuần hoàn.

3.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước cung cấp đủ văn bản pháp luật phát triển kinh tế tuần hoàn với thực trạng chính sách pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn hiện nay chưa đầy đủ và đồng bộ

Ở Việt Nam, mặc dù cơ chế pháp lý thúc đẩy KTTH đã hình thành và đang được tiếp tục xây dựng, nhưng chưa có văn bản pháp luật chuyên ngành về KTTH. Đồng thời, khung chính sách và pháp lý về phát triển mô hình KTTH mới bắt đầu nghiên cứu, chưa được hoàn

thiện. Một số công cụ chính sách chưa đồng bộ, thống nhất để điều tiết hiệu quả hành vi của các chủ thể về các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng minh bạch, công bằng, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững trong nền kinh tế chưa đầy đủ; chưa tạo ra các áp lực tài chính và động lực để thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, người tiêu dùng nhằm thực hiện các mục tiêu của KTTH.

3.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước phải thực thi chính sách phát triển KTTH hiệu quả với thực trạng thực thi chính sách phát triển KTTH hiện nay còn hạn chế

Hiện nay, Việt Nam chưa có một bộ máy nhà nước chuyên trách riêng về phát triển KTTH, điều này dẫn đến việc triển khai các chính sách còn phân tán và thiếu sự điều phối thống nhất. Các hoạt động liên quan đến KTTH chủ yếu được lồng ghép trong chiến lược tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường hoặc phát triển bền vững, nhưng chưa có cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm toàn diện. Sự thiếu vắng bộ máy chuyên trách khiến cho việc ban hành khung pháp lý, giám sát thực thi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân chưa được đồng bộ, dẫn đến hiệu quả chuyển đổi còn hạn chế.

3.2.3 Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước phải đầu tư tài chính, khoa học, công nghệ và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện phát triển KTTH với thực trạng vấn đề này còn nhiều hạn chế

Mâu thuẫn giữa yêu cầu Nhà nước phải đầu tư tài chính cho KTTH và thực trạng hạn chế hiện nay là một điểm nghẽn lớn bởi, KTTH là xu thế tất yếu để đạt mục tiêu phát triển bền vững và Net Zero 2050.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KTTH, được định hình rõ từ Đại hội XII, Nhà nước đã phát huy vai trò quản lý thông qua việc ban hành hệ thống văn bản pháp luật, đồng thời tổ chức thực thi, kiểm tra và giám sát việc áp dụng các quy định này trong QLNN về KTTH tại Việt Nam.

Nhờ đó, công tác QLNN trong lĩnh vực này đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận, đặc biệt trong các nội dung cốt lõi như: hạn chế khai thác nguyên liệu và nhiên liệu đầu vào; kéo dài vòng đời sản phẩm thông qua các hoạt động sản xuất, trao đổi, tiêu dùng và cung cấp dịch vụ; đồng thời kiểm soát và giảm thiểu phát sinh chất thải, góp phần hạn chế ô nhiễm và giảm nhẹ tác động tiêu cực đến môi trường.

Chương 4

GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KTTH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. NHÓM GIẢI PHÁP VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

4.1.1. Giải pháp ban hành nghị quyết của Đảng về phát triển KTTH

Để phát triển KTTH, phải bắt đầu từ việc xác định chủ trương, quan điểm và xây dựng thể chế cho KTTH. Vì vậy, trước hết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII,

XIV cần ban hành một nghị quyết chuyên đề về phát triển KTTH. Nghị quyết chuyên đề phát triển KTTH khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong định hướng phát triển KTTH. Đồng thời, Nghị quyết chuyên đề phát triển KTTH sẽ giúp thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị, từ trung ương đến địa phương. Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước sẽ cụ thể hóa thành hệ thống pháp luật phát triển KTTH. Một nghị quyết chuyên đề sẽ là nền tảng để xây dựng Luật Kinh tế tuần hoàn, ban hành tiêu chuẩn quốc gia, và thiết lập cơ chế tài chính xanh. Trên cơ sở hệ thống pháp luật của Quốc hội, Chính phủ ban hành nghị định, chiến lược, kế hoạch phát triển KTTH. Đây là cơ sở để các bộ, ngành, địa phương xây dựng và lồng ghép mục tiêu phát triển KTTH vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành mình, địa phương mình quản lý.

4.1.2 Nhà nước rà soát, bổ sung hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay

Nhà nước cần tiến hành rà soát lại hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay. Từ đó chỉ ra những pháp luật còn thiếu và chưa đầy đủ, đồng bộ về phát triển KTTH. Để khắc phục tình trạng hệ thống pháp luật và chính sách về phát triển KTTH ở Việt Nam còn thiếu và chưa đồng bộ, cần triển khai một loạt giải pháp mang tính chiến lược, đồng thời gắn với thực tiễn triển khai.

4.1.3 Nhà nước đổi mới quá trình xây dựng hệ thống chính sách pháp luật về phát triển KTTH

Đổi mới quá trình xây dựng chính sách, pháp luật về phát triển KTTH theo nguyên tắc, chuyển từ tư duy “quản lý sau” sang “thiết kế trước”, lấy vòng đời sản phẩm - vật liệu làm trục trung tâm, đồng thời dùng dữ liệu và cơ chế thị trường để thúc đẩy tuân thủ. Quy trình lập pháp và chính sách dựa trên bằng chứng.

4.2. NHÓM GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

4.2.1. Thiết lập bộ máy Nhà nước triển khai nhiệm vụ phát triển KTTH thống nhất, chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả

Luận án đã luận giải ba nhóm giải pháp thể hiện vai trò của nhà nước trong triển khai các nhiệm vụ nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn: thiết lập cơ quan điều phối trung ương chuyên trách về phát triển KTTH; hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và liên cấp trong triển khai phát triển KTTH; nâng cao năng lực cán bộ quản lý Nhà nước về phát triển KTTH. Cụ thể là: thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về KTTH trực thuộc Chính phủ hoặc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có chức năng điều phối liên ngành. Giao nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ: Bộ NN&MT, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa. Trọng tâm là thiết lập khung pháp lý rõ ràng, bộ máy quản lý chuyên trách, cùng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp và cộng đồng tham gia. Hai là, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và liên cấp trong triển khai phát triển KTTH. Nhà nước ban hành quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong triển khai chính sách tuần hoàn. Nhà nước thiết lập tổ công tác liên ngành tại các tỉnh, thành phố để giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng. Nhà nước tăng cường chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các cơ quan quản lý. *Ba là*, nâng cao năng lực cán bộ quản lý Nhà nước về phát triển KTTH, xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ địa phương và doanh nghiệp triển khai mô hình tuần hoàn. Bốn là, Nhà nước thiết lập bộ chỉ số quốc gia về KTTH: tỷ lệ tái chế, vòng đời sản phẩm, hiệu quả sử dụng tài nguyên. Nhà nước

khuyến khích thúc đẩy ứng dụng công nghệ số để theo dõi, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, sản phẩm và chất thải. Các doanh nghiệp báo cáo định kỳ kết quả thực hiện, từ đó Nhà nước điều chỉnh chính sách phù hợp.

4.2.2 Nhà nước định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào phát triển các mô hình KTTH

Để doanh nghiệp Việt Nam chuyển đổi từ mô hình tuyến tính (“khai thác - sản xuất - thải bỏ”) sang mô hình KTTH, Nhà nước cần đóng vai trò “người dẫn đường” với các giải pháp đồng bộ về pháp luật, tài chính, hạ tầng và truyền thông. Cụ thể: Nhà nước hoàn thiện khung pháp lý phát triển KTTH; Nhà nước có cơ chế ưu đãi và hỗ trợ các doanh nghiệp tuần hoàn trên cơ sở: ưu đãi thuế, đất đai, tín dụng xanh cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ tuần hoàn; nhà nước hỗ trợ phát triển hạ tầng và hệ sinh thái xanh, tuần hoàn và bền vững; Nhà nước định hướng ngành trọng điểm để các doanh nghiệp và thành phần kinh tế chuyển đổi xanh, chuyển đổi mô hình KTTH; Nhà nước nâng cao năng lực của doanh nghiệp tuần hoàn. Thông qua các chương trình đào tạo - tư vấn về thiết kế tuần hoàn, đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA). Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng báo cáo ESG/tuần hoàn để minh bạch với nhà đầu tư, khuyến khích đổi mới sáng tạo xanh, phát triển startup tuần hoàn. Cuối cùng Nhà nước nâng cao công tác truyền thông và thay đổi hành vi sản xuất, tiêu dùng.

4.2.3. Nhà nước tổ chức tuyên truyền, vận động các thành phần kinh tế phát triển KTTH và người dân tiêu dùng bền vững

Để có thể phát huy hiệu quả vai trò của Nhà nước, cần nâng cao nhận thức của hệ thống các chủ thể: Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị các cấp, doanh nghiệp, người dân. Trên cơ sở đó, cần tập trung nâng cao nhận thức thông qua tuyên truyền trên một số nội dung cơ bản của phát triển KTTH:

Cần lồng ghép trong chương trình giáo dục nội dung phát triển KTTH cho sinh viên; tăng cường giảng dạy về nền KTTH trong các khóa học liên quan đến kinh tế và quản lý. Đưa giảng viên trực tiếp tham gia các hoạt động và chương trình đào tạo liên quan đến KTTH để cập nhật kiến thức và áp dụng vào giảng dạy; tổ chức các chương trình thực tế tại doanh nghiệp; cần đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; cần tăng cường nhận diện và phổ biến cho các sản phẩm xanh, các sản phẩm KTTH để thúc đẩy ý định tiêu dùng mang tính KTTH cho người dân.

4.3. NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ TỔ CHỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

4.3.1. Nhà nước tăng cường đầu tư tài chính cho phát triển kinh tế tuần hoàn

Để phát triển KTTH Việt Nam cần nguồn tài chính khá ổn định. Do đó nhà nước cần có các kế hoạch cụ thể: *Một là*, Nhà nước cần xây dựng hệ thống tín dụng xanh, giảm lãi suất cho các dự án tuần hoàn; đồng thời áp dụng ưu đãi thuế cho doanh nghiệp tái chế, tái sử dụng nguyên liệu. Thành lập quỹ quốc gia hoặc địa phương để hỗ trợ vốn cho các dự án đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tuần hoàn. Xây dựng cơ chế PPP (hợp tác công - tư) nhằm khuyến khích doanh nghiệp và nhà nước cùng đầu tư vào chuyển đổi mô hình KTTH, phát triển hạ tầng xử lý chất thải, năng lượng tái tạo, chuỗi cung ứng tuần hoàn. *Hai là*, huy động nguồn lực quốc tế, tận dụng hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP). *Ba là*, phát triển thị trường và chuỗi giá trị KTTH. Phát triển thị trường tín chỉ carbon (thị trường tín chỉ

carbon là một cơ chế tài chính giúp điều tiết lượng khí nhà kính phát thải vào không khí, thông qua việc trao đổi tín chỉ carbon; bắt nguồn từ Nghị định thư Kyoto của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu được thông qua năm 1997). *Bốn là*, nâng cao năng lực doanh nghiệp và cộng đồng. Đào tạo & truyền thông, đầu tư vào đào tạo nhân lực về KTTH, nâng cao nhận thức cộng đồng.

4.3.2. Nhà nước tăng cường đầu tư khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế tuần hoàn

Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển KTTH, vì chúng giúp tối ưu hóa tài nguyên, giảm phát thải, tạo ra mô hình sản xuất - tiêu dùng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong đó, công nghệ tái chế và xử lý chất thải giúp biến rác thải thành nguyên liệu đầu vào, giảm phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên. Công nghệ sinh học và vật liệu mới giúp tạo ra vật liệu phân hủy sinh học, thay thế nhựa truyền thống, góp phần giảm ô nhiễm môi trường. Khoa học - công nghệ phát triển giúp ứng dụng IoT, AI, blockchain để quản lý vòng đời sản phẩm, theo dõi chuỗi cung ứng tuần hoàn. Vì vậy, có thể khẳng định, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ là công cụ, mà là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế tuần hoàn. Chúng giúp Việt Nam vừa đạt mục tiêu tăng trưởng xanh, vừa nâng cao vị thế cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Để Nhà nước tăng cường đầu tư khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay cần quan tâm:

Một là, Nhà nước hoàn thiện khung chính sách và chiến lược, nhất là chiến lược quốc gia về khoa học - công nghệ tuần hoàn. *Hai là*, đầu tư hạ tầng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tuần hoàn. *Ba là*, hỗ trợ tài chính cho đổi mới sáng tạo tuần hoàn. Thành lập quỹ đổi mới sáng tạo xanh. *Bốn là*, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho phát triển KTTH. Tập trung đào tạo chuyên ngành để đưa KTTH và công nghệ xanh vào chương trình đào tạo đại học, sau đại học. *Năm là*, thúc đẩy hợp tác quốc tế để Việt Nam tham gia mạng lưới nghiên cứu toàn cầu về KTTH. Kết nối với EU Horizon Europe, chương trình đổi mới sáng tạo của ADB, WB trong phát triển KTTH. Hợp tác song phương với các nước có kinh nghiệm phát triển KTTH. Ký kết thỏa thuận với các quốc gia có thế mạnh về công nghệ tuần hoàn (Đức, Nhật, Hàn Quốc). Thu hút FDI công nghệ cao nhằm đổi mới công nghệ tuần hoàn. Tận dụng EVFTA, CPTPP để thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghệ xanh. Tạo hệ sinh thái khởi nghiệp xanh, nâng cao vị thế Việt Nam trong khu vực.

4.3.3. Phát huy vai trò của Nhà nước trong kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay

Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc kiểm tra, đánh giá và thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn. Để phát huy vai trò của Nhà nước trong kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay, Nhà nước cần làm tốt nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay khoa học, hiệu quả. Cụ thể: Nhà nước có kế hoạch kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển KTTH. Thứ hai, Nhà nước cần có cách thức kiểm tra, đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay khoa học, hiệu quả như: (1) Kiểm tra và đánh giá thông qua báo cáo. (2) Kiểm tra và đánh giá thông qua sơ kết, tổng kết. Sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do người có

thẩm quyền kiểm tra quyết định hoặc được xác định ngay trong chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Việc kiểm tra thông qua sơ kết, tổng kết phải tuân thủ theo nguyên tắc dưới đây:

+ Sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí trong phát triển;

+ Sơ kết thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được tiến hành ít nhất là một năm kể từ khi chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế tuần hoàn được ban hành hoặc phê duyệt;

+ Tổng kết thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế tuần hoàn được tiến hành ít nhất là hai năm kể từ khi có hiệu lực thi hành hoặc khi kết thúc một giai đoạn thực hiện để chuyển sang giai đoạn khác hoặc khi đã hoàn thành việc thực hiện.

Thứ ba, kiểm tra và đánh giá thông qua làm việc với các cơ quan được kiểm tra. Trường hợp cần làm việc trực tiếp với cơ quan được kiểm tra, người có thẩm quyền kiểm tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, mời đại diện cơ quan được kiểm tra làm việc tại trụ sở cơ quan mình hoặc cử đại diện của cơ quan mình đến làm việc tại cơ quan được kiểm tra. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng thông qua làm việc trực tiếp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp được Thủ tướng giao, Văn phòng chính phủ và các cơ quan chức năng được quyền làm việc trực tiếp với người đứng đầu cơ quan được kiểm tra. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua làm việc trực tiếp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp. Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan chức năng được quyền làm việc trực tiếp với người đứng đầu các cơ quan được kiểm tra. Người có thẩm quyền kiểm tra và cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra có quyền tham khảo ý kiến của các chuyên gia về những vấn đề chuyên môn liên quan đến nội dung kiểm tra, nhưng phải chịu trách nhiệm về kết luận kiểm tra của mình.

Thứ tư, xây dựng bộ tiêu chí kiểm tra đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay. Có 5 nhóm tiêu chí thường được sử dụng là: tiêu chí về tính hiệu lực của chính sách (thể hiện qua mức độ tác động của chính sách lên các đối tượng trên thực tế); tiêu chí về tính hiệu quả chính sách (trên cơ sở so sánh kết quả đạt được với chi phí bỏ ra để thực hiện chính sách); tính công bằng (trong phân phối chi phí, lợi ích và rủi ro của chính sách đối với mỗi nhóm dân cư); tính khả thi về chính trị (thể hiện sự ủng hộ hay phản đối của các nhà chính trị và của mỗi người dân đối với chính sách) và tính khả thi về kỹ thuật cũng như năng lực thực thi của đội ngũ quản lý.

Mặt khác, cần dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho việc đánh giá chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn. Từ vai trò của đánh giá chính sách, có thể thấy hoạt động đánh giá chính sách là rất quan trọng. Vì vậy, việc dành một khoản kinh phí cần thiết và sử dụng có hiệu quả kinh phí đó cho hoạt động đánh giá chính sách sẽ góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập của chính sách, từng bước hoàn thiện chính sách hiện hành hoặc rút kinh nghiệm cho những lần hoạch định và thực hiện các chính sách tiếp theo, bảo đảm cho chính sách đáp ứng yêu cầu của cuộc sống.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Chương 4 chỉ ra 5 nhóm giải pháp trọng tâm trong việc phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay. Để hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 cần: Rà soát lại hệ thống chính sách pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH của Việt Nam hiện nay; Rà soát lại các văn bản pháp luật, các công ước quốc tế về phát triển KTTH, chỉ ra những nội dung Việt Nam cam kết đã thực hiện, những nội dung Việt Nam cam kết nhưng chưa thực hiện được để bổ sung, hoàn thiện; Bổ sung những chính sách pháp luật, những quy hoạch, kế hoạch về phát triển KTTH mà Việt Nam còn thiếu, chưa đầy đủ và chưa đồng bộ, nhất là Luật kinh tế tuần hoàn.

Để phát huy vai trò của nhà nước trong thực thi chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay cần: thành lập bộ máy nhà nước triển khai nhiệm vụ phát triển KTTH; Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách về định hướng, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tham gia vào mô hình phát triển KTTH; tổ chức tuyên truyền, vận động các thành phần kinh tế phát triển kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay.

Để phát huy vai trò của Nhà nước đối với phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay, luận án đã đưa ra một số giải pháp về tăng cường vai trò của Nhà nước trong đầu tư tài chính cho phát triển KTTH; tăng cường phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo liên quan tới phát triển KTTH. Đặc biệt Nhà nước thể hiện vai trò của mình bằng cách thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi phát triển KTTH ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, tổng kết kinh nghiệm, bổ sung chủ trương, chính sách kịp thời, hiệu quả.

KẾT LUẬN

KTTH là mô hình kinh tế vận hành theo chu trình khép kín, trong đó các hoạt động sản xuất, trao đổi, tiêu dùng và cung cấp dịch vụ được tổ chức nhằm hạn chế khai thác nguyên liệu và nhiên liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm thiểu phát sinh chất thải, từ đó hạn chế ô nhiễm và tác động tiêu cực đến môi trường. Đồng thời, mô hình này tạo động lực cho đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và hướng tới ba trụ cột phát triển: thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Thuỳ Linh (2024), “Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay: Từ quan điểm của Đảng đến giải pháp đến giải pháp thực tiễn”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn*, (Số 34 tháng 12/ 2024), tr.33
2. Nguyễn Thị Thuỳ Linh (7/2025), “Chủ trương của Đảng và thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, <https://lyluanchinhtri.vn/chu-truong-cua-dang-va-thuc-trang-phat-trienkinh-te-tuan-hoan-hien-nay-6807.html>
3. Nguyễn Thị Thuỳ Linh (9/2025), “Vai trò của Nhà nước đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số 356, Mã: ISSN2354 - 0761, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/09/04/vai-tro-cua-nha-nuoc-doi-voi-phat-trienkinh-te-tuan-hoan-o-viet-nam-hien-nay/>